

Số: 03/2020/QĐST-DS.

*Bắc Ninh, ngày 28 tháng 10 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST- DS, ngày 03/01/2020.

**XÉT THẤY**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn Hộ Vệ, xã L, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn :* Ông Nguyễn Anh Ngh , sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu Thượng, phường Kh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Bị đơn:** Cụ Đặng Thị N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Khu Sơn, phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị S , sinh năm 1972; Địa chỉ : Số 513, tổ dân phố Bảo An , phường Đ, thành phố Phúc Yên , tỉnh Vĩnh Phúc . Bà S ủy quyền cho ông Nguyễn Anh Ngh, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu Thượng, phường Kh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn Phú Linh, xã M, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Bà Q ủy quyền cho ông Nguyễn Anh Ngh, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu Thượng, phường Kh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Bà Trần Thị D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu Thượng, phường Kh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

4. Bà Trần Thị Th, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà 56, Đông Ba, khu Đạo Xá, phường N, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

5. Chị Trần Thị L , sinh năm 2001; Chị Trần Thị X , sinh năm 2003 và anh Trần Công H , sinh năm 2005, cùng địa chỉ : Khu Sơn, phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh do bà Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980 đại diện;

6. Ông Nguyễn Văn D , sinh năm 1972; anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1997; anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1999 và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 2010; Cùng địa chỉ: Thôn Nội Viên, xã L, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

7. Ông Nguyễn Đăng M, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu Sơn, phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau :

Di sản của cụ Trần Công H để lại là phần tài sản chung với cụ Đặng Thị N gồm: Số tiền đền bù đất nông nghiệp đã bị Nhà nước thu hồi là 1.801.824.950đ; Quyền sử dụng thửa đất số 311 tờ bản đồ 18, diện tích 85m<sup>2</sup> tại khu Sơn, phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, ngày 01/9/2010 đã được UBND thành phố Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 463120 đứng tên chủ sử dụng đất ông Trần Công H bà Đặng Thị N ; Thửa đất số 369 tờ bản đồ số 7, diện tích 1850,5m<sup>2</sup> tại khu Sơn, phường H, thành phố Bắc Ninh , tỉnh Bắc Ninh (Thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ); Thửa đất số 24 và thửa đất số 25 tờ bản đồ số 10 diện tích 903,5m<sup>2</sup> tại khu Sơn, phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người thừa kế của cụ H gồm: Cụ Đặng Thị N , bà Trần Thị D , bà Trần Thị Th, bà Trần Thị Th (Bà Th chết sau cụ H nên ông D, anh T, anh L, chị D và cụ N là người thừa kế của bà Th ), ông H (Ông H chết trước cụ H nên người thừa kế thế vị của ông H gồm các con ông H bà Th là chị L, chị X và anh H). Toàn bộ di sản do cụ Đặng Thị N đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Cụ N trích chia cho bà H , bà Q, bà S do bà H đại diện mỗi người 80m<sup>2</sup> đất, tổng số 240m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 369 tờ bản đồ số 7, diện tích 1850,5m<sup>2</sup> tại khu Sơn, phường H, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Phần đất có tứ cận : Phía Nam giáp ruộng nước dài 20m; Phía Tây giáp đường bê tông dài 11,65m; Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 369 tờ bản đồ số 7, diện tích 1850,5m<sup>2</sup> dài 23,16m; Phía Đông giáp phần đất ao của các cụ khu Sơn, phường H dài 11,13m.

Về chi phí tố tụng: Bà H tự nguyện chịu 10.000.000 đồng và cụ N tự nguyện chịu 8.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định , đo đạc và định giá tài sản là (Xác nhận cụ N và bà H đã nộp đủ chi phí này)

Về án phí : Cụ N là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí . Bà H tự nguyện chịu 4.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 7.323.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số : AA/2019/0000077 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh . Trả lại bà H 3.373.000 đồng tạm ứng án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự , người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND thành phố.
- THADS thành phố.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*Nguyễn Thị Nhàn*